

## Kinh phí tặng quà tới các đối tượng chính sách, cơ sở cách mạng nhân dịp kỷ niệm ngày 02/9/2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số      /KH-UBND ngày      của UBND Thành phố)

| STT | Xã phường                      | Tổng cộng |                 | Mức 10.000.000 đồng/suất                                                        |                 |                                                                                                  |                 | Mức 3.000.000 đồng/suất                                              |                 |                                                                                                                                                                                                         |                 | Mức 12.000.000 đồng/suất   |                 | Mức 27.000.000 đồng/suất   |                 |
|-----|--------------------------------|-----------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
|     |                                |           |                 | Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Lão thành cách mạng) |                 | Người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa) |                 | Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày |                 | Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”; người trong gia đình được tặng kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” |                 | Quà tặng cá nhân tiêu biểu |                 | Quà tặng tập thể tiêu biểu |                 |
|     |                                | Người     | Kinh phí (Đồng) | Người                                                                           | Kinh phí (Đồng) | Người                                                                                            | Kinh phí (Đồng) | Người                                                                | Kinh phí (Đồng) | Người                                                                                                                                                                                                   | Kinh phí (Đồng) | Người                      | Kinh phí (Đồng) | Tập thể                    | Kinh phí (Đồng) |
| 1   | Phường Hoàn Kiếm               | 46        | 275.000.000     | 3                                                                               | 30.000.000      | 14                                                                                               | 140.000.000     | 17                                                                   | 51.000.000      | 10                                                                                                                                                                                                      | 30.000.000      | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 2   | Phường Cửa Nam                 | 46        | 296.000.000     | 5                                                                               | 50.000.000      | 15                                                                                               | 150.000.000     | 12                                                                   | 36.000.000      | 12                                                                                                                                                                                                      | 36.000.000      | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 3   | Phường Ba Đình                 | 26        | 201.000.000     | 4                                                                               | 40.000.000      | 11                                                                                               | 110.000.000     | 9                                                                    | 27.000.000      |                                                                                                                                                                                                         | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 4   | Phường Ngọc Hà                 | 27        | 204.000.000     | 3                                                                               | 30.000.000      | 12                                                                                               | 120.000.000     | 10                                                                   | 30.000.000      |                                                                                                                                                                                                         | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 5   | Phường Giảng Võ                | 24        | 153.000.000     | 1                                                                               | 10.000.000      | 8                                                                                                | 80.000.000      | 13                                                                   | 39.000.000      |                                                                                                                                                                                                         | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 6   | Phường Hai Bà Trưng            | 35        | 207.000.000     | 6                                                                               | 60.000.000      | 6                                                                                                | 60.000.000      | 13                                                                   | 39.000.000      | 8                                                                                                                                                                                                       | 24.000.000      | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 7   | Phường Vĩnh Tuy                | 11        | 58.000.000      | -                                                                               | -               | 1                                                                                                | 10.000.000      | 8                                                                    | 24.000.000      | -                                                                                                                                                                                                       | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 8   | Phường Bạch Mai                | 42        | 221.000.000     | 4                                                                               | 40.000.000      | 7                                                                                                | 70.000.000      | 23                                                                   | 69.000.000      | 6                                                                                                                                                                                                       | 18.000.000      | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 9   | Phường Đồng Đa                 | 26        | 166.000.000     | 1                                                                               | 10.000.000      | 9                                                                                                | 90.000.000      | 13                                                                   | 39.000.000      | 1                                                                                                                                                                                                       | 3.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 10  | Phường Kim Liên                | 56        | 340.000.000     | 4                                                                               | 40.000.000      | 18                                                                                               | 180.000.000     | 20                                                                   | 60.000.000      | 12                                                                                                                                                                                                      | 36.000.000      | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 11  | Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám | 19        | 117.000.000     | 1                                                                               | 10.000.000      | 5                                                                                                | 50.000.000      | 9                                                                    | 27.000.000      | 2                                                                                                                                                                                                       | 6.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 12  | Phường Láng                    | 12        | 96.000.000      | 1                                                                               | 10.000.000      | 5                                                                                                | 50.000.000      | 2                                                                    | 6.000.000       | 2                                                                                                                                                                                                       | 6.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 13  | Phường Ô Chợ Dừa               | 16        | 108.000.000     | 3                                                                               | 30.000.000      | 3                                                                                                | 30.000.000      | 7                                                                    | 21.000.000      | 1                                                                                                                                                                                                       | 3.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 14  | Phường Hồng Hà                 | 23        | 108.000.000     |                                                                                 | -               | 3                                                                                                | 30.000.000      | 17                                                                   | 51.000.000      | 1                                                                                                                                                                                                       | 3.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 15  | Phường Lĩnh Nam                | 2         | 15.000.000      | -                                                                               | -               | 0                                                                                                | -               | 1                                                                    | 3.000.000       | -                                                                                                                                                                                                       | -               | 1                          | 12.000.000      |                            | -               |
| 16  | Phường Hoàng Mai               | 23        | 108.000.000     | 3                                                                               | 30.000.000      | 0                                                                                                | -               | 15                                                                   | 45.000.000      | 3                                                                                                                                                                                                       | 9.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 17  | Phường Vĩnh Hưng               | 9         | 45.000.000      | -                                                                               | -               | 0                                                                                                | -               | 5                                                                    | 15.000.000      | 2                                                                                                                                                                                                       | 6.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 18  | Phường Tương Mai               | 21        | 123.000.000     | 1                                                                               | 10.000.000      | 5                                                                                                | 50.000.000      | 11                                                                   | 33.000.000      | 2                                                                                                                                                                                                       | 6.000.000       | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 19  | Phường Định Công               | 9         | 59.000.000      | 1                                                                               | 10.000.000      | 1                                                                                                | 10.000.000      | 5                                                                    | 15.000.000      | -                                                                                                                                                                                                       | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |
| 20  | Phường Hoàng Liệt              | 5         | 33.000.000      | -                                                                               | -               | 0                                                                                                | -               | 3                                                                    | 9.000.000       | -                                                                                                                                                                                                       | -               | 2                          | 24.000.000      |                            | -               |

|    |                    |     |             |   |            |   |            |    |            |    |             |   |            |   |            |
|----|--------------------|-----|-------------|---|------------|---|------------|----|------------|----|-------------|---|------------|---|------------|
| 21 | Phường Yên Sở      | 5   | 33.000.000  | - | -          | 0 | -          | 3  | 9.000.000  | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 22 | Phường Thanh Xuân  | 21  | 158.000.000 | 4 | 40.000.000 | 7 | 70.000.000 | 8  | 24.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 23 | Khương Đình        | 24  | 118.000.000 | 1 | 10.000.000 | 3 | 30.000.000 | 18 | 54.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 24 | Phường Phương Liệt | 14  | 109.000.000 | 3 | 30.000.000 | 4 | 40.000.000 | 4  | 12.000.000 | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 25 | Phường Cầu Giấy    | 13  | 57.000.000  | - | -          | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | 4  | 12.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 26 | Phường Nghĩa Đô    | 21  | 130.000.000 | 2 | 20.000.000 | 5 | 50.000.000 | 8  | 24.000.000 | 4  | 12.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 27 | Phường Yên Hòa     | 11  | 72.000.000  | 1 | 10.000.000 | 2 | 20.000.000 | 6  | 18.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 28 | Phường Tây Hồ      | 31  | 167.000.000 | 1 | 10.000.000 | 7 | 70.000.000 | 17 | 51.000.000 | 4  | 12.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 29 | Phường Phú Thượng  | 18  | 79.000.000  |   | -          | 1 | 10.000.000 | 4  | 12.000.000 | 11 | 33.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 30 | Phường Tây Tựu     | 5   | 33.000.000  | - | -          | 0 | -          | 2  | 6.000.000  | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 31 | Phường Phú Diễn    | 13  | 64.000.000  | - | -          | 1 | 10.000.000 | 10 | 30.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 32 | Phường Xuân Đình   | 10  | 62.000.000  | - | -          | 2 | 20.000.000 | 4  | 12.000.000 | 2  | 6.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 33 | Phường Đông Ngạc   | 8   | 42.000.000  | - | -          | 0 | -          | 3  | 9.000.000  | 3  | 9.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 34 | Phường Thượng Cát  | 10  | 48.000.000  |   | -          | 0 | -          | -  | -          | 8  | 24.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 35 | Phường Từ Liêm     | 15  | 77.000.000  | - | -          | 2 | 20.000.000 | 10 | 30.000.000 | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 36 | Phường Xuân Phương | 4   | 30.000.000  | - | -          | 0 | -          | 1  | 3.000.000  | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 37 | Phường Tây Mỗ      | 5   | 33.000.000  | - | -          | 0 | -          | -  | -          | 3  | 9.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 38 | Phường Đại Mỗ      | 4   | 30.000.000  |   | -          |   | -          | 2  | 6.000.000  |    | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 39 | Phường Long Biên   | 7   | 39.000.000  | - | -          | 0 | -          | 5  | 15.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 40 | Phường Bồ Đề       | 32  | 177.000.000 | 3 | 30.000.000 | 6 | 60.000.000 | 17 | 51.000.000 | 4  | 12.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 41 | Phường Việt Hưng   | 17  | 69.000.000  |   | -          |   | -          | 14 | 42.000.000 | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 42 | Phường Phúc Lợi    | 11  | 58.000.000  | 1 | 10.000.000 | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 43 | Phường Hà Đông     | 106 | 395.000.000 | 1 | 10.000.000 | 4 | 40.000.000 | 27 | 81.000.000 | 71 | 213.000.000 | 2 | 24.000.000 | 1 | 27.000.000 |
| 44 | Phường Dương Nội   | 15  | 63.000.000  | - | -          | 0 | -          | -  | -          | 13 | 39.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 45 | Phường Yên Nghĩa   | 14  | 60.000.000  | - | -          | 0 | -          | 2  | 6.000.000  | 10 | 30.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 46 | Phường Phú Lương   | 7   | 39.000.000  | - | -          | 0 | -          | 5  | 15.000.000 | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 47 | Phường Kiến Hưng   | 10  | 48.000.000  |   | -          | 0 | -          | 5  | 15.000.000 | 3  | 9.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 48 | Xã Thanh Trì       | 2   | 15.000.000  |   | -          |   | -          | 1  | 3.000.000  | -  | -           | 1 | 12.000.000 |   | -          |
| 49 | Xã Đại Thanh       | 17  | 69.000.000  |   | -          |   | -          | 7  | 21.000.000 | 8  | 24.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 50 | Xã Nam Phú         | 9   | 45.000.000  | - | -          | 0 | -          | 6  | 18.000.000 | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 51 | Xã Ngọc Hồi        | 6   | 36.000.000  | 0 | -          | 0 | -          | 3  | 9.000.000  | 1  | 3.000.000   | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 52 | Phường Thanh Liệt  | 5   | 40.000.000  | 1 | 10.000.000 | 0 | -          | 2  | 6.000.000  | -  | -           | 2 | 24.000.000 |   | -          |

|    |                   |    |             |   |            |   |            |    |            |    |            |   |            |   |            |
|----|-------------------|----|-------------|---|------------|---|------------|----|------------|----|------------|---|------------|---|------------|
| 53 | Xã Thượng Phúc    | 9  | 45.000.000  | - | -          | 0 | -          | 7  | 21.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 54 | Xã Thường Tín     | 14 | 60.000.000  | - | -          | 0 | -          | 11 | 33.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 55 | Xã Chương Dương   | 16 | 66.000.000  | - | -          | 0 | -          | 14 | 42.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 56 | Xã Hồng Vân       | 12 | 54.000.000  | - | -          | 0 | -          | 10 | 30.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 57 | Xã Phú Xuyên      | 22 | 84.000.000  | - | -          | 0 | -          | 20 | 60.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 58 | Xã Phượng Dực     | 15 | 63.000.000  | - | -          | 0 | -          | 13 | 39.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 59 | Xã Chuyên Mỹ      | 9  | 45.000.000  | - | -          | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 60 | Xã Đại Xuyên      | 13 | 57.000.000  | - | -          | 0 | -          | 11 | 33.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 61 | Xã Thanh Oai      | 9  | 45.000.000  |   | -          |   | -          | 6  | 18.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 62 | Xã Bình Minh      | 15 | 63.000.000  | - | -          | 0 | -          | 11 | 33.000.000 | 2  | 6.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 63 | Xã Tam Hưng       | 13 | 57.000.000  | - | -          | 0 | -          | 11 | 33.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 64 | Xã Dân Hòa        | 10 | 48.000.000  | - | -          | 0 | -          | 8  | 24.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 65 | Xã Vân Đình       | 11 | 58.000.000  | 1 | 10.000.000 | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 66 | Xã Ứng Thiên      | 8  | 42.000.000  | - | -          | 0 | -          | 5  | 15.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 67 | Xã Hòa Xá         | 9  | 45.000.000  |   | -          |   | -          | 4  | 12.000.000 | 3  | 9.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 68 | Xã Ứng Hòa        | 27 | 123.000.000 | - | -          | 0 | -          | 23 | 69.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 | 1 | 27.000.000 |
| 5  | Xã Mỹ Đức         | 8  | 42.000.000  |   | -          |   | -          | 6  | 18.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 70 | Xã Hồng Sơn       | 14 | 60.000.000  |   | -          |   | -          | 12 | 36.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 71 | Xã Phúc Sơn       | 20 | 78.000.000  | - | -          | 0 | -          | 15 | 45.000.000 | 3  | 9.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 72 | Xã Hương Sơn      | 11 | 51.000.000  |   | -          |   | -          | 7  | 21.000.000 | 2  | 6.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 73 | Phường Chương Mỹ  | 21 | 81.000.000  |   | -          |   | -          | 9  | 27.000.000 | 10 | 30.000.000 | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 74 | Xã Phú Nghĩa      | 16 | 66.000.000  | - | -          | 0 | -          | 12 | 36.000.000 | 2  | 6.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 75 | Xã Xuân Mai       | 15 | 87.000.000  | - | -          | 0 | -          | 6  | 18.000.000 | 6  | 18.000.000 | 2 | 24.000.000 | 1 | 27.000.000 |
| 76 | Xã Trần Phú       | 13 | 57.000.000  | - | -          | 0 | -          | 11 | 33.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 77 | Xã Hòa Phú        | 10 | 48.000.000  | - | -          |   | -          | 8  | 24.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 78 | Xã Quảng Bị       | 9  | 45.000.000  | - | -          | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 79 | Xã Minh Châu      | 2  | 15.000.000  | - | -          | 0 | -          | 1  | 3.000.000  | -  | -          | 1 | 12.000.000 |   | -          |
| 80 | Xã Quảng Oai      | 21 | 81.000.000  | - | -          | 0 | -          | 18 | 54.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 81 | Xã Vật Lại        | 28 | 102.000.000 | - | -          | 0 | -          | 25 | 75.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 82 | Xã Cổ Đô          | 35 | 123.000.000 | - | -          | 0 | -          | 32 | 96.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 83 | Xã Bất Bạt        | 15 | 63.000.000  |   | -          |   | -          | 13 | 39.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 84 | Xã Suối Hai       | 9  | 45.000.000  | - | -          | 0 | -          | 7  | 21.000.000 | -  | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 85 | Xã Ba Vì          | 6  | 36.000.000  |   | -          |   | -          | 4  | 12.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 86 | Xã Yên Bài        | 5  | 33.000.000  |   | -          |   | -          | 3  | 9.000.000  |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 87 | Phường Sơn Tây    | 30 | 108.000.000 |   | -          |   | -          | 23 | 69.000.000 | 5  | 15.000.000 | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 88 | Phường Tùng Thiện | 11 | 58.000.000  |   | -          | 1 | 10.000.000 | 8  | 24.000.000 |    | -          | 2 | 24.000.000 |   | -          |
| 89 | Xã Đoài Phương    | 9  | 45.000.000  |   | -          |   | -          | 6  | 18.000.000 | 1  | 3.000.000  | 2 | 24.000.000 |   | -          |

|     |                  |              |                       |           |                    |            |                      |              |                      |            |                      |            |                      |          |                    |
|-----|------------------|--------------|-----------------------|-----------|--------------------|------------|----------------------|--------------|----------------------|------------|----------------------|------------|----------------------|----------|--------------------|
| 90  | Xã Phúc Thọ      | 25           | 124.000.000           |           | -                  | 1          | 10.000.000           | 10           | 30.000.000           | 11         | 33.000.000           | 2          | 24.000.000           | 1        | 27.000.000         |
| 91  | Xã Phúc Lộc      | 15           | 63.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 13           | 39.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 92  | Xã Hát Môn       | 21           | 81.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 11           | 33.000.000           | 8          | 24.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 93  | Xã Thạch Thất    | 15           | 63.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 10           | 30.000.000           | 3          | 9.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 94  | Xã Hạ Bằng       | 10           | 48.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 6            | 18.000.000           | 2          | 6.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 95  | Xã Tây Phương    | 20           | 78.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 13           | 39.000.000           | 5          | 15.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 96  | Xã Hòa Lạc       | 0            | 0                     | -         | -                  | 0          | -                    | -            | -                    | -          | -                    | -          | -                    |          | -                  |
| 97  | Xã Yên Xuân      | 6            | 36.000.000            |           | -                  |            | -                    | 4            | 12.000.000           |            | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 98  | Xã Quốc Oai      | 22           | 108.000.000           | -         | -                  | 0          | -                    | 8            | 24.000.000           | 11         | 33.000.000           | 2          | 24.000.000           | 1        | 27.000.000         |
| 99  | Xã Hưng Đạo      | 11           | 51.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 7            | 21.000.000           | 2          | 6.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 100 | Xã Kiêu Phú      | 12           | 54.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 10           | 30.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 101 | Xã Phú Cát       | 6            | 36.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 3            | 9.000.000            | 1          | 3.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 102 | Xã Hoài Đức      | 8            | 42.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 6            | 18.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 103 | Xã Dương Hòa     | 11           | 51.000.000            |           | -                  |            | -                    | 9            | 27.000.000           |            | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 104 | Xã Sơn Đông      | 13           | 57.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 7            | 21.000.000           | 4          | 12.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 105 | Xã An Khánh      | 17           | 69.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 11           | 33.000.000           | 4          | 12.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 106 | Xã Đan Phượng    | 24           | 97.000.000            | 1         | 10.000.000         | 0          | -                    | 14           | 42.000.000           | 7          | 21.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 107 | Xã Ô Diên        | 18           | 72.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 16           | 48.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 108 | Xã Liên Minh     | 11           | 51.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 9            | 27.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 109 | Xã Gia Lâm       | 24           | 104.000.000           | 1         | 10.000.000         | 1          | 10.000.000           | 17           | 51.000.000           | 3          | 9.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 110 | Xã Thuận An      | 19           | 75.000.000            |           | -                  |            | -                    | 14           | 42.000.000           | 3          | 9.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 111 | Xã Bát Tràng     | 15           | 63.000.000            |           | -                  |            | -                    | 10           | 30.000.000           | 3          | 9.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 112 | Xã Phù Đồng      | 32           | 138.000.000           |           | -                  |            | -                    | 26           | 78.000.000           | 3          | 9.000.000            | 2          | 24.000.000           | 1        | 27.000.000         |
| 113 | Xã Thư Lâm       | 17           | 69.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 14           | 42.000.000           | 1          | 3.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 114 | Xã Đông Anh      | 30           | 115.000.000           | -         | -                  | 1          | 10.000.000           | 19           | 57.000.000           | 8          | 24.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 115 | Xã Phúc Thịnh    | 27           | 106.000.000           |           | -                  | 1          | 10.000.000           | 17           | 51.000.000           | 7          | 21.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 116 | Xã Thiên Lộc     | 14           | 84.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 9            | 27.000.000           | 2          | 6.000.000            | 2          | 24.000.000           | 1        | 27.000.000         |
| 117 | Xã Vĩnh Thanh    | 18           | 72.000.000            |           | -                  |            | -                    | 6            | 18.000.000           | 10         | 30.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 118 | Xã Mê Linh       | 15           | 70.000.000            | 1         | 10.000.000         | 0          | -                    | 8            | 24.000.000           | 4          | 12.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 119 | Xã Yên Lãng      | 12           | 54.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 10           | 30.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 120 | Xã Tiến Thắng    | 19           | 75.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 12           | 36.000.000           | 5          | 15.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 121 | Xã Quang Minh    | 22           | 98.000.000            | -         | -                  | 2          | 20.000.000           | 10           | 30.000.000           | 8          | 24.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 122 | Xã Sóc Sơn       | 30           | 129.000.000           | 1         | 10.000.000         | 2          | 20.000.000           | 17           | 51.000.000           | 8          | 24.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 123 | Xã Đa Phúc       | 11           | 51.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 7            | 21.000.000           | 2          | 6.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 124 | Xã Nội Bài       | 19           | 82.000.000            | -         | -                  | 1          | 10.000.000           | 16           | 48.000.000           | -          | -                    | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 125 | Xã Trung Giã     | 17           | 69.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 10           | 30.000.000           | 5          | 15.000.000           | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
| 126 | Xã Kim Anh       | 13           | 57.000.000            | -         | -                  | 0          | -                    | 10           | 30.000.000           | 1          | 3.000.000            | 2          | 24.000.000           |          | -                  |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>2.107</b> | <b>10.399.000.000</b> | <b>64</b> | <b>640.000.000</b> | <b>177</b> | <b>1.770.000.000</b> | <b>1.221</b> | <b>3.663.000.000</b> | <b>391</b> | <b>1.173.000.000</b> | <b>247</b> | <b>2.964.000.000</b> | <b>7</b> | <b>189.000.000</b> |